TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**
2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh –** Thư ký Tòa án.
-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Lã Thị N,** sinh năm 1992

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Bùi Đình T,** sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trung: Ông Vũ Ngọc T – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh thái Bình.

(Chị N; ông T có mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2020; Tại bản tự khai ngày 21/02/2020 và tại phiên tòa chị Lã Thị N nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Bùi Đình T ngày 25/01/2014 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T chửi bới, đuổi tôi đi và vợ

chồng cũng ly thân từ năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Bùi Đình T.

* *Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014, ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản và nợ:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2020, anh Bùi Đình T bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Lã Thị N ngày 25/01/2014 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do lúc đó mẹ anh mất nên anh có đuổi chị N và con về nhà chị N, sau đó anh lên chùa sống 17 tháng từ đó vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 13/8/2015 (âm lịch) đến nay. Ngày 17/6/2017 (âm lịch) chị N có về chịu tang mẹ anh, sau đó lại đi không trở về sống cùng anh, anh có đến tìm chị N nhưng không gặp. Đến nay vợ chồng không có ràng buộc về tình cảm, kinh tế, tuy nhiên chị N xin ly hôn anh không đồng ý anh xin đoàn tụ gia đình.

* *Về con chung:* Anh và chị N có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, vì lý do anh bị tai nạn không có điều kiện kinh tế và đang được hưởng trợ cấp xã hội.

* *Về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh đăng ký kết hôn như chị N khai là đúng, quá trình chung sống anh T, chị N có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 13/8/2015 (âm lịch) đến nay, không có có ràng buộc về tình cảm, kinh tế, việc anh T xin đoàn tụ gia đình là rất khó khăn, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N. Xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014, ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vì anh T bị tai nạn không có điều kiện kinh tế và đang được hưởng trợ cấp xã hội nên việc đảm bảo quyền lợi cho con là khó khăn nên đề nghị HĐXX giao con chung cho chị N nuôi để đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về tài sản: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn đã có lời khai nhưng không đến Tòa án làm việc là do anh bị tai nạn nên đi lại khó khăn

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX xử cho chị Lã Thị Ngọc được ly hôn anh Bùi Đình T.

Về con chung: Chị Ngọc và anh T có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014. Ly hôn chị N, anh T đều có nguyện vọng nuôi con nhưng do anh T bị tai nạn việc chăm sóc con chung khó khăn nên cần giao con cho chị N nuôi con và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị N, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Nguyên đơn bị đơn đều sinh sống tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

- Anh Bùi Đình T bị tai nạn có có quyết định hưởng trợ cấp xã hội nên theo quy định của pháp luật, Tòa án đã cử trợ giúp viên pháp lý để bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Bùi Đình T.

- Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng, tuy nhiên do anh T bị tai nạn việc đi lại khó khăn. Tại phiên tòa ngày 07/7/2020, anh T vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa thứ hai anh Trung vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

[2.1] Chị Lã Thị N và anh Bùi Đình T kết hôn ngày 25/01/2014 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2015, chị Ngọc, anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không có ràng buộc về tình cảm, kinh tế. Nay chị N xin ly hôn, anh T không đồng ý anh xin đoàn tụ gia đình.

[2.2] Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2020 UBND xã Đông Xá cung cấp: Chị Lã Thị N và anh Bùi Đình T kết hôn ngày 25/01/2014 có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Anh T hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, chị N đã chuyển khẩu về xã Đ từ năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T, khi mẹ đẻ anh T bị ốm thì chị N đã về xã Đ sinh sống, còn anh T thì vào chùa ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mẹ anh T mất chị N có về chịu tang 03 ngày sau đó chị N lại bỏ đi không chung sống cùng anh T. Giữa anh T và chị N không có sự ràng buộc về kinh tế, tình cảm. Chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm quyền lợi cho con.

Anh T bị tai nạn có được hưởng trợ cấp xã hội, không có sổ tâm thần.

[2.3] Chị N, anh T đều xác định trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Thảo N, sinh ngày 26/11/2014. Ly hôn chị N, anh T đều có nguyện vọng nuôi con nhưng do anh T bị tai nạn việc chăm sóc con chung khó khăn nên cần giao con cho chị N nuôi con và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ:* Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Quyền kháng cáo:* Chị N, anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lã Thị N được ly hôn anh Bùi Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lã Thị N trực tiếp nuôi con chung là Bùi

Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị Lã Thị N, anh Bùi Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lã Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng, chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 24/02/2020 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Lã Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Bùi Đình T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Hoàng Văn Thành